

Số: 718 /BC-UBND

Châu Thành, ngày 27 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả cải cách hành chính năm 2023

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo kết quả cải cách hành chính năm 2023, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật đối với công tác CCHC:

+ Trong năm 2023, quán triệt các văn bản của cấp trên, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức triển khai, cụ thể hóa thành 04 kế hoạch, đã triển khai đến các cơ quan, đơn vị thực hiện¹.

+ Ủy ban nhân dân huyện tổ chức 03 cuộc họp chuyên đề về công tác cải cách hành chính: (1) Hội nghị trực tuyến tổng kết thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022, giải pháp nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính trong thời gian tới của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành; (2) Hội nghị sơ kết 06 tháng đầu năm 2023; (3) Tập huấn công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2023.

Trong năm, các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân

¹ Gồm 07 Kế hoạch: (1) Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2023; (2) Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 24/02/2023 về kiểm tra công vụ năm 2023 trên địa bàn huyện Châu Thành; (3) Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/02/2023 về kiểm soát thủ tục hành chính huyện Châu Thành năm 2023; (4) Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 23/11/2022 về áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn huyện năm 2023; (5) Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 09/6/2023 về khắc phục những điểm hạn chế và nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023; (6) Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 09/6/2023 về khắc phục hạn chế và nâng cao thứ hạng chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023; (7) Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 09/6/2023 về khắc phục những điểm hạn chế, nâng cao thứ hạng Chỉ số SIPAS năm 2023.

tình về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023 và Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2023. Theo Kế hoạch, huyện đưa ra 38 nội dung thực hiện năm 2023, đến thời điểm này đã hoàn thành 38/38 nội dung, đạt 100% theo Kế hoạch.

- Đánh giá về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, cán bộ, công chức, viên chức; việc chấp hành thời gian làm việc; việc tuân thủ nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị; việc thực hiện các quy định về tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đối với cá nhân và tổ chức,... Trong năm 2023, Đoàn kiểm tra của huyện đã tiến hành kiểm tra về công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2023, kiểm tra tại 11 cơ quan, đơn vị (trong này có 07 xã, 04 cơ quan chuyên môn). Qua kiểm tra, đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những đơn vị thực hiện chưa tốt.

Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành về kiểm tra công vụ năm 2023 trên địa bàn huyện Châu Thành, trong tháng 8/2023 Đoàn Kiểm tra công vụ của huyện đã tiến hành kiểm tra công vụ đột xuất ở 03 xã (Hòa Thuận, Hòa Lợi và Phước Hảo). Qua kiểm tra, đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những đơn vị thực hiện chưa tốt các nội dung như: cụ thể hóa các văn bản của cấp có thẩm quyền để thực hiện; việc niêm yết, công khai các thủ tục hành chính; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, nội quy, quy chế làm việc của cán bộ, công chức, người lao động.

- Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 29/3/2023 về thông tin, tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2023, theo đó đã tập trung tuyên truyền các nội dung liên quan đến quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là vai trò của người đứng đầu và trách nhiệm của chuyên môn trong việc giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến, giải quyết thủ tục ở mức độ 2, 3, 4. Tăng cường công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và giải quyết thủ tục hành chính đã tạo nên những hiệu ứng tích cực từ tổ chức và người dân đối với các quy định hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý hành chính nhà nước. Kết quả đã tổ chức triển khai thông qua các cuộc hội họp được 56 cuộc, có 1.405 lượt cán bộ, công chức, người lao động tham dự. Bên cạnh đó, Ban Biên biên tập Trang thông tin điện tử huyện đã thực hiện mới 10 banner tuyên truyền; xây dựng mới các chuyên mục liên kết đến các trang: Chuyển đổi số tỉnh, Cổng Thông tin điện tử Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, Hợp

tác xã tỉnh Trà Vinh, Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Trà Vinh và chuyên mục “Nhân vật và sự kiện lịch sử huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1930-1975”; hiệu chỉnh, sắp xếp lại chuyên mục “Công khai ngân sách”; đăng tải 390 tin, bài, 622 văn bản phục vụ bình quân 3.439 lượt truy cập/ngày. Trong này đã cập nhật 101 tin bài, văn bản tuyên truyền phục vụ công tác cải cách hành chính và cập nhật 31 thủ tục hành chính cấp huyện (*thuộc các lĩnh vực: Bồi thường nhà nước, Phổ biến giáo dục pháp luật, Chứng thực, Hộ tịch*).

- Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương:

Năm 2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 về công nhận sáng kiến thi đua của cán bộ, công chức, viên chức huyện Châu Thành năm 2022, theo đó đã công nhận 10 sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến công tác cải cách hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện công nhận và triển khai, nhân rộng các sáng kiến.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 15/02/2023 về theo dõi tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2023. Trong năm, kết quả thực hiện thực hiện kiểm tra 06 xã, thị trấn gồm thị trấn Châu Thành, xã Hòa Thuận, xã Mỹ Chánh, xã Lương Hòa, xã Lương Hòa A, xã Song Lộc; đồng thời, tổ chức lấy 20 phiếu khảo sát về một số lĩnh vực trọng tâm².

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về Kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023, trên cơ sở đó UBND các xã, thị trấn và các ban ngành liên quan cụ thể hóa kế hoạch kế hoạch của

² Về lao động, việc làm tại cơ quan, đơn vị, địa phương; về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu cho sản xuất, đời sống như: xăng, dầu thành phẩm; điện; khí dầu mỏ hóa lỏng; phân đạm; phân NPK; thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật; vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; muối ăn; sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện; thóc, gạo tẻ thường; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật

UBND huyện tổ chức tuyên truyền đến đảng viên, đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân trên địa bàn huyện được 574 cuộc có trên 20.171 người tham gia.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Trong năm đã rà soát 19/19 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện ban hành còn hiệu lực pháp luật, kết quả 100% đều được xây dựng đúng theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, vẫn còn phù hợp và thống nhất với quy định của pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

+ Trong năm 2023, đã rà soát tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương đến hiện nay là 409 thủ tục (cấp huyện là 264 thủ tục, cấp xã 145 thủ tục).

+ Rà soát TTHC nội bộ (nhóm B)

Thực hiện Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, giai đoạn 2022 - 2025, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 18/11/2022 về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện, đã triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ đề ra, chỉ đạo rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các khâu trung gian, TTHC, bảo đảm tạo thuận lợi, đơn giản thủ tục cho người dân, doanh nghiệp. Kết quả, tham mưu ban hành Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 về việc Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 30 thủ tục hành chính nội bộ (nhóm B) trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (trong này cấp huyện 19 TTHC, cấp xã 11 TTHC).

Tiếp tục thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, giai đoạn 2022 - 2025 theo Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 và Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 5/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND tỉnh Trà Vinh. Qua rà soát 33 thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Ủy ban nhân dân huyện đề xuất cắt giảm thời gian đối với 05 TTHC nội bộ cấp huyện và 03 TTHC nội bộ cấp xã trên cơ sở đánh giá tác động và tính chi phí tuân thủ TTHC được giao, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc phạm vi,

chức năng quản lý của cấp huyện, cấp xã (đang chờ ý kiến thẩm định của Văn phòng UBND tỉnh Trà Vinh).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

Số hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế “một cửa” tại cấp huyện:

Tổng số tiếp nhận, giải quyết năm 2023 được 64.207 hồ sơ (trực tiếp 45.158 hồ sơ, trực tuyến 19.049 hồ sơ). Kết quả đã giải quyết 62.419 hồ sơ, đạt 97.2% (trong đó, trước hạn 7.209 hồ sơ, đúng hạn 55.060 hồ sơ, trễ hạn 150 hồ sơ (lĩnh vực lĩnh vực đất đai 125 hồ sơ, bưu điện 25)); chưa giải quyết 1.788 hồ sơ, chiếm 2.8%³.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC:

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ, thường xuyên và đột xuất tại cơ quan, đơn vị đúng quy định; có ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân và ra quyết định phân công công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh tại đơn vị. Trong năm 2023, tiếp nhận 03 phản ánh, kiến nghị của cá nhân trên Cổng dịch vụ công về hành vi hành chính; kết quả đã trả lời 03 hồ sơ (trước hạn 01 hồ sơ; trễ hạn 02 hồ sơ (lý do, thay đổi công chức phụ trách, việc tạo tài khoản để trả lời phản ánh, kiến nghị trên Cổng DVC chưa kịp thời).

³ a) Lĩnh vực đăng ký kinh doanh: Tiếp nhận 464 hồ sơ (trong đó, mức độ 3 được 463 hồ sơ, mức độ 4 được 01 hồ sơ (có 176 hồ sơ online đạt 38,01%)). Kết quả giải quyết 464 hồ sơ (trước hạn 325 hồ sơ, đạt 70,04%; đúng hạn 139 hồ sơ, đạt 29,96%).

b) Lĩnh vực kinh tế và hạ tầng: Tổng số hồ sơ tiếp nhận 35 hồ sơ, trong đó, trực tiếp 25 hồ sơ, trực tuyến 10 hồ sơ. Kết quả đã giải quyết 35 hồ sơ (trực tiếp 25 trực tuyến 10), đạt 100% (trong đó, đúng hạn 35 hồ sơ, đạt 100%).

c) Lĩnh vực tư pháp - hộ tịch: Tổng tiếp nhận 663 hồ sơ, trong đó, trực tiếp 305 hồ sơ, trực tuyến 358 hồ sơ. Kết quả đã giải quyết 663 hồ sơ (trực tiếp 305, trực tuyến 358), chiếm tỷ lệ 100% (trong đó, đúng hạn 88 hồ sơ, đạt 13,27%, trước hạn 575 hồ sơ, đạt 86,73%).

d) Lĩnh vực đất đai: Tổng số hồ sơ tiếp nhận 32.038 hồ sơ (trong đó, trực tiếp 27.989 hồ sơ, trực tuyến 4.049 hồ sơ). Kết quả đã giải quyết 30.781 hồ sơ (trực tiếp 27.404, trực tuyến 3.377), đạt 96,1% (trong đó, đúng hạn 30.656 hồ sơ, đạt 99,6%; trễ hạn 125 hồ sơ, chiếm 0,4%; chưa giải quyết 1.257 hồ sơ, chiếm 3,9%).

đ) TTHC do Công an huyện: Tổng số hồ sơ tiếp nhận 9.277 hồ sơ (trong đó, trực tiếp 7.278 hồ sơ, trực tuyến 1.999 hồ sơ). Kết quả đã giải quyết 9.277 hồ sơ (trực tiếp 7.278, trực tuyến 1.999), đạt 100% (trong đó, đúng hạn 9.277 hồ sơ).

e) Lĩnh vực BHXH: Tổng số hồ sơ tiếp nhận 21.551 hồ sơ (trong đó, trực tiếp 9.536 hồ sơ, trực tuyến 12.015 hồ sơ). Kết quả đã giải quyết 21.029 hồ sơ (trực tiếp 9.257 hồ sơ, trực tuyến 11.772 hồ sơ), đạt 98% (trong đó, đúng hạn 14.720 hồ sơ, đạt 70%; trước hạn 6.309 hồ sơ, đạt 30%), chưa giải quyết 522 hồ sơ, chiếm 2%.

g) Giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số tiếp nhận 179 hồ sơ (trong đó, trực tiếp 25, trực tuyến 154 hồ sơ). Kết quả đã giải quyết hồ sơ 170 (trực tiếp 25, trực tuyến 145), chiếm tỷ lệ 95%. (trong đó, đúng hạn 145 hồ sơ, đạt 81%; trễ hạn 25 hồ sơ, chiếm 14,7%, chưa giải quyết 09 hồ sơ, chiếm 5%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương.

Thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Trong năm 2023, có 01 cơ quan (Phòng Văn hóa và Thông tin huyện) tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đóng góp dự thảo bổ sung, điều chỉnh quyết định Ủy ban nhân dân huyện về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện; riêng các cơ quan còn lại vẫn tiếp tục thực hiện quyết định Ủy ban nhân dân huyện về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của cơ quan mình đã được ban hành trước đây. Hiện nay, toàn huyện có 12/13 cơ quan chuyên môn ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế theo quy định.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

+ Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính

Trong năm 2023, huyện Châu Thành không có biến động về số lượng cơ quan, tổ chức hành chính, hiện nay toàn huyện có 13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

+ Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

Về đơn vị sự nghiệp có thành lập mới 01 đơn vị Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp⁴, hiện toàn huyện có 44 đơn vị sự nghiệp gồm: 40 đơn vị trường học (14 Trường Mầm non, Mẫu giáo, 14 Trường tiểu học, 10 Trường Trung học cơ sở, 01 trường chuyên biệt Trường Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học cơ sở và 01 trường ghép cấp tiểu học và trung học cơ sở); 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 Trung tâm văn hóa - Thông tin và Thể thao, 01 Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp, 01 Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện và 01 Hội đặc thù (Hội Chữ thập đỏ).

Về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện đã trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án tổ chức sắp xếp, tổ chức lại

⁴ Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành

đơn vị sự nghiệp công lập đối với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao huyện.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:
- + Biên chế cán bộ, công chức cấp huyện

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành hiện có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 14 ủy viên UBND.

Ủy ban nhân dân huyện có 13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện⁵. Về số lượng biên hành chính được giao năm 2023 là 88 biên chế; hiện có mặt tính đến ngày 20/11/2023 là 81 biên chế; còn khuyết 07 biên chế⁶.

- + Biên chế viên chức

Ủy ban nhân dân huyện có 44 đơn vị sự nghiệp⁷. Số lượng người làm việc được giao cho 44 đơn vị sự nghiệp năm 2023 là 1.630 người, hiện có mặt tính đến ngày 10/11/2023 là 1.548 người, còn khuyết 82 biên chế. Trong này:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo giao là 1.568 người, hiện có mặt là 1.494 người, còn khuyết 74 người.

- Sự nghiệp khác được giao là 62 người, hiện có mặt là 54 người, còn khuyết 08 người.

- + Hợp đồng lao động

Lao động hợp đồng giao cho cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp năm 2023 là 71 lao động, hiện có mặt 63 lao động, còn khuyết 08 lao động. Trong này:

- Cơ quan hành chính giao là 04 lao động, hiện có mặt là 04 lao động.

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo giao là 67 lao động, hiện có mặt là 59 lao động, còn khuyết 08 lao động.

- + Cán bộ, công chức cấp xã

⁵ (1) Văn phòng HĐND và UBND, (2) Phòng Nội vụ, (3) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, (4) Phòng Tài chính - Kế hoạch, (5) Phòng Tài nguyên và Môi trường, (6) Phòng Giáo dục và Đào tạo, (7) Phòng Lao động - TB&XH, (8) Phòng Văn hóa và Thông tin, (9) Thanh tra, (10) Phòng Nông nghiệp & PTNT, (11) Phòng Tư pháp, (12) Phòng Y tế, (13) Phòng Dân tộc.

⁶ Trong này, Văn phòng HĐND và UBND 01 (lãnh đạo Phó CT.UBND huyện), Phòng Giáo dục và Đào tạo 01 (Phó Trưởng phòng), Phòng Tài nguyên và Môi trường 01 (Trưởng phòng), Phòng Kinh tế và Hạ tầng 01, Phòng Nội vụ 01 (Phó Trưởng phòng), Phòng Tài chính - Kế hoạch 02 (Phó Trưởng phòng 01 và chuyên viên 01).

⁷ Trong này gồm: 40 đơn vị trường học (14 Trường Mầm non, Mẫu giáo, 14 Trường tiểu học, 10 Trường Trung học cơ sở, 01 trường chuyên biệt Trường Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học cơ sở và 01 trường ghép cấp tiểu học và trung học cơ sở); 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 Trung tâm văn hóa - Thông tin và Thể thao, 01 Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp, 01 Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành và 01 Hội đặc thù (Hội Chữ thập đỏ).

Toàn huyện có 14 xã, thị trấn, số cán bộ, công chức cấp xã được giao năm 2023 là 312 người, hiện có mặt tính đến ngày 10/11/2023 là 289 người, còn thiếu 23 người⁸.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương.

Năm 2023, thực hiện công tác cán bộ, chế độ tiền lương và các nội dung liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục thực hiện theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

- *Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức.*

Trong năm 2023, toàn huyện có 13 cơ quan chuyên môn và 44 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục thực hiện các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức theo Quyết định của cấp có thẩm quyền⁹. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 24/4/2023 và Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 25/4/2023 về Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp huyện Châu Thành và Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 30/3/2023 về việc thẩm định phê duyệt Đề án Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Phòng Nội vụ huyện Châu Thành trình Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt.

⁸ Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Mỹ Chánh; Phó Chủ tịch HĐND xã Long Hòa; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Long Hòa; Chủ tịch UBND xã Hòa Minh; Phó Chủ tịch UBND xã Lương Hòa; công chức Văn phòng - TK xã Lương Hòa; công chức Địa chính - NN-XD và MT xã Lương Hòa; công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Lương Hòa; công chức Văn phòng - TK xã Đa Lộc; công chức Văn hóa - XH xã Đa Lộc; công chức Văn phòng - TK xã Lương Hòa A; công chức Văn phòng - TK xã Song Lộc; công chức Văn hóa - XH xã Song Lộc; Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã Song Lộc; công chức Văn phòng - TK xã Hòa Thuận; công chức Địa chính - NN-XD và MT xã Hòa Thuận; công chức Văn phòng - TK xã Hòa Lợi; công chức Địa chính - NN-XD và MT xã Hòa Lợi; công chức Văn phòng - TK xã Phước Hào; công chức Văn hóa - XH xã Phước Hào; công chức Văn hóa - XH xã Hưng Mỹ; công chức Văn phòng - TK xã Hòa Minh; công chức Văn phòng - TK xã Long Hòa.

⁹ Gồm 04 Quyết định như sau: Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan tổ chức, hành chính; Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 về phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực làm việc của trường mầm non, mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc UBND huyện của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của về phê duyệt Đề án vị trí việc làm, biên chế viên chức của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành. Đến nay, toàn huyện đã có 43/44 đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền ban hành đề án vị trí việc làm.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển).

Trong năm 2023, huyện đã quyết định tuyển dụng 19 viên chức đã trúng tuyển kỳ xét tuyển giáo viên mầm non, phổ thông đợt 2 năm 2022 vào làm giáo viên tại các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện. Riêng năm 2023, đã ban hành Kế hoạch tuyển dụng 67 viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đang thực hiện quy trình thông báo tuyển dụng theo quy định.

Tiếp nhận cán bộ cấp xã vào làm công chức cấp xã không qua thi tuyển 05 trường hợp.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức.

Trong năm 2023, toàn huyện đã bổ nhiệm 24 trường hợp; bổ nhiệm lại 02 trường hợp; điều động, bổ nhiệm 05 trường hợp; Nghỉ hưu 05 trường hợp, chuyển đổi vị trí công tác 02 trường hợp; tiếp nhận đến 10 trường hợp; chuyển đi 12 trường hợp; tiếp nhận 02 trường hợp là Đội viên Đề án 500 trí thức trẻ vào làm viên chức tại Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp huyện Châu Thành; tiếp nhận cán bộ cấp xã vào làm công chức cấp xã không qua thi tuyển 05 trường hợp; Kỷ luật với hình thức khiển trách đối với 03 trường hợp (01 cán bộ lãnh đạo cấp huyện, 02 viên chức); Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm 05 Phó Chủ tịch và bầu bổ sung 05 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (xã Đa Lộc; xã Phước Hảo, Song Lộc, Mỹ Chánh và thị trấn Châu Thành, nhiệm kỳ 2021 - 2026); phê chuẩn kết quả miễn nhiệm Chủ tịch UBND xã Hòa Minh, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Giao quyền Chủ tịch UBND xã Hòa Minh.

- Kết quả giải quyết nghỉ việc, chế độ chính sách

Trong năm 2023, thống nhất với thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cho thôi việc theo nguyện vọng 12 trường hợp là viên chức (thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo).

Trong năm 2023 đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế 01 trường hợp đối với viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo (đối tượng là thôi việc ngay); Quyết định phê duyệt đối tượng thôi việc được hưởng trợ cấp một lần theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh gồm 31 trường hợp với kinh phí là: 816.018.200đ.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị:

Trong năm 2023 không có trường hợp thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ,

công chức, viên chức tại địa phương:

Đa số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đều thực hiện đúng các quy tắc ứng xử và chấp hành tốt quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; ký cam kết thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử và các quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức. Đồng thời, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đều có trách nhiệm vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác và đại biểu hội đồng nhân dân gương mẫu thực hiện đúng các quy tắc ứng xử.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/02/2023 về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức huyện Châu Thành năm 2023 để triển khai đến các đơn vị thực hiện. Trong năm 2023 lập danh sách cử 815 CBCCVC đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương.

Không có

5. Cải cách tài chính công

- Việc thực hiện các quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Trên địa bàn huyện tính đến nay 28 đơn vị (trong đó: Có 14 đơn vị quản lý hành chính; Đảng, đoàn thể; 14 xã, thị trấn), đạt 100%, số tiết kiệm được là chi thường xuyên là 14.624.000.000 đồng.

+ Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Toàn huyện Châu Thành số đơn vị sự nghiệp: 44 đơn vị, các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ 44/44 (đạt tỷ lệ 100%), cụ thể như sau:

- Số đơn vị đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ: 01 đơn vị; Tự bảo đảm chi thường xuyên: 09 đơn vị.

- Số đơn vị đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự

ng nghiệp công lập; (do nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên) là 43 đơn vị.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Không phát sinh (chủ yếu ứng dụng KHCN thực hiện theo dự toán tỉnh giao hàng năm là 1.000 triệu đồng, đến nay giải ngân được 650 triệu đồng thực hiện 02 mô hình).

- Tình hình thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Việc đổi mới cơ chế quản lý các cơ quan hành chính nhà nước, nhằm mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Hầu hết các cơ quan quản lý hành chính trong việc sử dụng biên chế và kinh phí hành chính được giao quyền tự chủ của đơn vị cấp huyện đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tất cả các cán bộ công chức trong cơ quan có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm, chống lãng phí và sử dụng có hiệu quả. 100% các đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

+ Nâng cao hiệu quả các nguồn lực góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi, các đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính thực hiện việc xây dựng và công khai, minh bạch chế độ quản lý tài chính và chế độ chi tiêu nội bộ của đơn vị. Nội dung quy chế chi tiêu nội bộ trước khi được ban hành sẽ tổ chức lấy ý kiến thống nhất trong nội bộ đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Về VNPT iOffice: Sử dụng đồng bộ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan với số lượng văn bản đi đã phát hành từ ngày 01/01/2023 đến ngày 16/11/2023 là 19.224 văn bản (trong này, có ký số 17.062 văn bản, đạt tỷ lệ 88,7%; không ký số 2.162 văn bản, đạt tỷ lệ 11,2%)

- Về VNPT iGate: Đã tổ chức triển khai thực hiện sử dụng đồng bộ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan với tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01/2023 đến ngày 16/11/2023 là 17.597 hồ sơ (trong này, trực tiếp 8.276 hồ sơ, trực tuyến 9.194 hồ sơ). Kết quả giải quyết 17.597 hồ sơ (trong này, trực tiếp 8.276 hồ sơ, đạt tỷ lệ 47%, trực tuyến 9.194 hồ sơ, đạt tỷ lệ 52%) và đã thực hiện tra cứu, xác thực thông tin công dân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (VNPT iGate).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đã đăng nhập sử dụng các hệ thống dùng chung của tỉnh qua hệ thống SSO (<https://sso.travinh.gov.vn>).

- Đối với hệ thống mạng dùng riêng của tỉnh (WAN): Đã tổ chức triển khai thực hiện hoàn thiện mạng nội bộ (LAN) tại Văn phòng HĐND và UBND

huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đảm bảo tất cả máy tính của Văn phòng HĐND và UBND huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã kết nối thông suốt với mạng truyền số liệu chuyên dùng qua thiết bị bảo mật đã được Sở Thông tin và Truyền thông đầu tư; ưu tiên sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng làm mạng truyền dẫn chính phục vụ triển khai, vận hành, cung cấp dịch vụ các hệ thống công nghệ thông tin.

- Đối với hệ thống hội nghị trực tuyến, hợp không giấy tờ: Tăng cường áp dụng hình thức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến qua hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh; ưu tiên áp dụng hình thức họp trực tuyến đối với các cuộc họp có đại biểu từ 02 cấp hành chính trở lên (tỉnh - huyện; tỉnh - huyện - xã; tỉnh - xã; huyện - xã); đẩy nhanh tiến độ triển khai giải pháp họp không giấy tờ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự hướng dẫn về chuyên môn của Sở Nội vụ, sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, trong quý III năm 2023 Ủy ban nhân dân huyện đã tiếp tục quán triệt kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về Cải cách hành chính để tổ chức thực hiện. Vai trò và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức trong thực hiện công tác cải cách hành chính được nâng lên. Tiếp tục tập trung chấn chỉnh, cải tiến trang thông tin điện tử của huyện, trong đó định hướng các ngành, địa phương tăng cường cung cấp thông tin, rà soát cập nhật thường xuyên các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực ngành phụ trách.

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân nhất là những lĩnh vực liên quan đến đất đai còn trễ hạn như thành lập tổ thẩm định hồ sơ trước khi giải quyết để tránh sai sót hoặc vi phạm, chỉ đạo các ngành, bộ phận liên quan và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thường xuyên phối hợp, trao đổi nhất là những hồ sơ còn khó khăn để kịp thời giải quyết; hàng ngày các phòng, bộ phận giải quyết hồ sơ báo cáo tình hình hồ sơ, những khó khăn trong giải quyết để lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện cho ý kiến.

Sử dụng đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung đáp ứng kịp thời công tác cải cách hành chính nhằm phục vụ tốt cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và nhân dân trong quá trình thực hiện giao dịch giấy tờ có liên quan đến cơ sở pháp lý đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Một số thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã ít quan tâm đến việc triển khai, thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của huyện, do đó kết quả

thực hiện đem lại chưa cao, cụ thể như: nhiều lãnh đạo các cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt trong lãnh đạo thực hiện các nội dung cải cách hành chính, một số cán bộ công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm; trách nhiệm người đứng đầu trong việc tổ chức triển khai và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình, kế hoạch của cấp trên và việc cụ thể hóa thành kế hoạch của cơ quan, đơn vị để thực hiện; việc thực hiện niêm yết, công khai các loại thủ tục hành chính phải công khai và các văn bản bắt buộc công khai và trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình chấp hành nhiệm vụ được giao và nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

Nhận thức về chuyển đổi số của lãnh đạo một số ban, ngành huyện và địa phương chưa cao nên chưa quan tâm triển khai thực hiện; điều kiện, cơ sở vật chất, trình độ của một số cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số hiện nay.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ ĐẾN CUỐI NĂM 2023

1. Phương hướng thực hiện

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, tập trung tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, công việc xác định trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh huyện. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; xây dựng, đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kỷ luật, kỷ cương trong thi hành công vụ và thực hiện nhiệm vụ, chức trách của cán bộ, công chức, viên chức; cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa nền hành chính; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, của cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính là cơ sở quan trọng và cụ thể trong việc thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Nhiệm vụ thực hiện công tác cải cách hành chính trong năm 2023

2.1. Về cải cách thể chế

Tiếp tục tổ chức hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật đến toàn thể CBCCVC và người dân trên địa bàn huyện; kiểm tra, rà soát VBQPPL, kịp thời phát hiện và kiến nghị, đề xuất xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật; ban hành quy định và tổ chức

triển khai có hiệu quả công tác tổ chức, theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

2.2 Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc công bố mới, bãi bỏ TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC được công bố mới; Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện.

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ nhất là tất cả thủ tục hành chính phải được cập nhật trên hệ thống phần mềm chung của tỉnh; Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp nhằm đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC.

2.3. Về cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, áp theo quy định của pháp luật; thực hiện sắp xếp, sáp nhập tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của tổ dân phố. Theo dõi quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập đúng quy định.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

Tiếp tục rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ CBCCVN các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

Tổng hợp danh sách CBCCVN đăng ký đào tạo, bồi dưỡng các lớp theo thông báo của Sở Nội vụ và các cơ sở đào tạo trình cấp có thẩm quyền xem xét.

Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ CBCCVN, nhất là chính sách tiền lương theo quy định

2.5. Về cải cách tài chính công

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo thẩm quyền; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí; Nâng cao hiệu quả trong thực hiện các quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí hành chính đối

với CQHCCN; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với ĐVSNCL; đảm bảo mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Tiếp tục rà soát hoàn thiện các quy định, quy chế nhằm phát huy vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo triển khai, tổ chức sử dụng các hệ thống thông tin phục vụ trong CCHC, trách nhiệm của CBCCVC trong đổi mới lề lối, phương thức làm việc đảm bảo chủ yếu thực hiện qua môi trường mạng.

Tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành - iOffice; tổ chức sử dụng đồng bộ Hệ thống iOffice thực hiện công tác văn thư theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ; thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử tại lưu trữ cơ quan theo Quyết định 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện phát hành văn bản điện tử có chữ ký số, không gửi văn bản giấy theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục rà soát tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4 trên cổng dịch vụ công của huyện và cổng dịch vụ công Quốc gia; đảm bảo cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4 đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng theo chỉ đạo của Chính phủ.

Trên đây là báo cáo kết quả cải cách hành chính năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo Sở Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã; thị trấn;
- LĐVP, NCNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Thạch Thị Sa Thy

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 718 /BC-UBND ngày 28/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

Biểu mẫu 1 Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	05 văn bản (04 Báo cáo, 01 Kế hoạch)	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	38	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
3.4.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	11	
3.4.1.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.4.2.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.4.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	11	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	140	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
II.				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	4	Lĩnh vực bảo trợ xã hội
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	2	Lĩnh vực giáo dục
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	409	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	264	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	145	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	264	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	409	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,2	Tổng tiếp nhận 64.207 hồ sơ
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	62.419	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	55.060	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	85,75	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	3	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	3	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	0	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	0	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	44	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	44	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	88	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	81	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	4	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1630	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1548	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	13	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	43	Tổng số 44 đơn vị. Còn 01 đơn vị đang trình tỉnh xem xét
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	19	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	2	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	98	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	77067	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	75526	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	44	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	43	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1 2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		19.440	
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		19.440	
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%		
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	49	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	49	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	0	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	0	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	0	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	5,9	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	1.066	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	915	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	93	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	16.667	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	8.463	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	0	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	0	